

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu:
Mua máy phát điện và chỉ y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét các tờ trình: Số 353/T.Tr-BVT và số 354/T.Tr-BVT ngày 22/6/2016 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 1534/BC-STC ngày 23/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán gói thầu: Mua máy phát điện và chỉ y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, với các nội dung sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum.
2. Mục tiêu mua sắm: Nhằm đảm bảo thiết bị, vật tư y tế phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh và hoạt động tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh theo quy định.
3. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum.
4. Tổng dự toán: 4.395.607.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng chẵn*). Trong đó:
 - Mua sắm máy phát điện: 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn*).
 - Mua sắm chỉ y tế: 1.695.607.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng chẵn*).
5. Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí năm 2016.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua máy phát điện và chỉ y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, với các nội dung sau:

1. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 1: Mua sắm máy phát điện.
- Gói thầu số 2: Mua chỉ y tế.

2. Giá gói thầu :

- Gói thầu số 1: 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn*).
- Gói thầu số 2: 1.695.607.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng chẵn*).

(Giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt và giao hàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh)

(*Có chi tiết danh mục gói thầu kèm theo*)

3. Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí năm 2016.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Gói thầu số 1: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
- Gói thầu số 2: Chào hàng cạnh tranh trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ tháng 7 năm 2016.

7. Loại hợp đồng:

- Gói thầu số 1: Hợp đồng trọn gói.
- Gói thầu số 2: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Gói thầu số 1: 60 ngày (*kể từ ngày ký hợp đồng*).
- Gói thầu số 2: 180 ngày.

Điều 3. Bệnh viện Đa khoa tỉnh (*Chủ đầu tư*)

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Tuân thủ Luật đấu thầu, các quy định hiện hành của Nhà nước và dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định này.

- Việc đấu thầu mua sắm vật tư, hàng hóa theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20/4/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3081/BKH-QLĐT ngày 11/5/2010 và Ủy ban nhân dân tỉnh tại các văn bản: Số 1694/UBND-KTTH ngày 05/8/2015 và số 421/UBND-

KTTH ngày 03/3/2016.

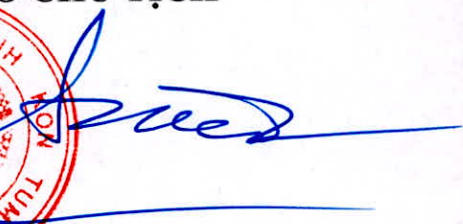
Điều 4. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP (KT);
- Lưu: VT, KT5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Đức Tuy

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 1

(Kèm theo Quyết định số **750** /QĐ-UBND
ngày **30** tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Tên tài sản - Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy phát điện Công suất : 620KVA. Mới 100%, chưa qua sử dụng. Năm sản xuất : 2015, 2016 trở về sau. – Động cơ – Đầu phát – Bộ điều khiển Điện thế : 230/ 380VAC, 3 pha. Tốc độ vòng quay : 1.500 vòng/ phút. Hệ số Cosφ : 0,8. Dao động điện áp : 1%. Tần số dòng điện : 50Hz. Độ sụt tần số : 5%. Kiểu loại : Dùng bảng mạch vi xử lý. Chức năng điều khiển : Điều khiển ở vị trí OFF - MAN - AUTO. Chức năng chỉ báo : Màn hình LCD hiển thị: VAC, AAC, Hz, VDC, OP, ET, Fuel level, Start counter, Hour counter, Power factor, Active power, Peactive power, Apparent power. Chức năng bảo vệ : Thông báo lỗi: Overspeed, HET, LOP, Overcrank, No fuel, Aux Alarm, No charge, Common Alarm, Vmin, Vmax, Hzmin, Hzmax, Belt break, Overload, Auto shutdown, Full operation not reached, External overload, Shutdown failure, Overcrank, Low water level, Short circuit, Power reverse, Voltages umbalance, current umbalance.	01 máy	2.199.800.000	2.199.800.000
2	Vỏ cách âm Được làm bằng thép tấm dày 2,5mm và được cố định lên các khung thép hình U, H và V chịu lực. Bề mặt vỏ cách âm được sơn tĩnh điện, bên	01 bộ	206.800.000	206.800.000



	trong có lót các vật liệu cách âm dày 50mm và chống cháy. Các tấm cách âm được thiết kế các lỗ lấy gió tươi cho máy.			
3	Bộ chuyển nguồn tự động Công suất: 1.000A. Bao gồm hệ thống thoát khói, hệ thống thoát nhiệt cho phòng máy.	01 bộ	181.500.000	181.500.000
4	Bồn dầu Diesel Dung tích: 1.200 lít, đảm bảo cho máy hoạt động hơn 08 giờ chạy liên tục.	01 bộ	62.400.000	62.400.000
5	Vận chuyển, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ	01 lần	49.500.000	49.500.000
Tổng cộng				2.700.000.000



DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 2
(Kèm theo Quyết định số 700 /QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT : đồng

STT	Tên hàng hóa- Đặc điểm kinh tế kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Surgicryl 910 số 1 dài 90cm, kim 1/2 kim tròn 40mm	6.193 sợi	67.300	416.788.900
02	Surgicryl 910 số 2/0 dài 75cm, kim 1/2 kim tròn, 26mm	1.614 sợi	57.700	93.127.800
03	Surgicryl 910 số 3/0 dài 75cm, kim 1/2 kim tròn, 26mm	1.033 sợi	57.700	59.604.100
04	Surgicryl 910 số 4/0 dài 75cm, kim 1/2 kim tròn, 22mm	276 sợi	57.700	15.925.200
05	Surgicryl 910 0	6.193 sợi	66.650	412.763.450
06	Chỉ chromic 1/0 kim tròn	60 sợi	30.000	1.800.000
07	Catgut Chrom 2/0 kim cắt	6.129 sợi	47.700	292.353.300
08	Catgut Chrom 2/0 kim tròn	953 sợi	32.120	30.610.360
09	Catgut Chrom 3/0 kim cắt	292 sợi	32.120	9.379.040
10	Catgut Chrom 3/0 kim tròn	140 sợi	32.120	4.496.800
11	Catgut Chrom 4/0 kim cắt	05 sợi	34.000	170.000
12	Catgut Chrom 4/0 kim tròn	237 sợi	34.000	8.058.000
13	Catgut Chrom 6/0 kim cắt	24 sợi	34.000	816.000
14	Catgut Chrom 6/0 kim tròn	24 sợi	34.000	816.000
15	Daclon Nylon 0	60 sợi	24.300	1.458.000
16	Daclon Nylon 2/0	750 sợi	24.300	18.225.000
17	Daclon Nylon 2/0	75 sợi	23.500	1.762.500
18	Daclon Nylon 3/0	5.035 sợi	24.200	121.847.000
19	Daclon Nylon 4/0	340 sợi	24.200	8.228.000
20	Daclon Nylon 5/0	170 sợi	30.100	5.117.000
21	Daclon Nylon 7/0	24 sợi	32.500	780.000
22	Daclon Nylon 10/0	193 sợi	184.200	35.550.600



23	Daclon Nylon 10/0	24 sợi	184.200	4.420.800
24	Chỉ Silk 1/0 kim cắt	24 sợi	30.200	724.800
25	Chỉ Silk 2/0 kim cắt	2.111 sợi	30.300	63.963.300
26	Chỉ Silk 2/0 kim tròn	64 sợi	25.700	1.644.800
27	Chỉ Silk 3/0 kim cắt	835 sợi	28.300	23.630.500
28	Chỉ Silk 3/0 kim tròn	24 sợi	25.800	619.200
29	Chỉ Silk 4/0 kim cắt	495 sợi	29.300	14.503.500
30	Chỉ Silk 5/0 kim cắt	887 sợi	29.300	25.989.100
31	Chỉ Silk 6/0 kim cắt	60 sợi	51.500	3.090.000
32	Chỉ Silk 7/0 kim cắt	305 sợi	51.500	15.707.500
33	Chỉ Silk 8/0 kim cắt	24 sợi	68.200	1.636.800
Tổng cộng				1.695.607.350
Làm tròn				1.695.607.000

